

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt dự án Nâng cấp tuyến đường từ xã Quang Trung,  
huyện Ngọc Lặc đi thị trấn Yên Lâm, huyện Yên Định**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số  
điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số  
40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4  
năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số  
06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung về  
quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số  
10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;  
số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung  
về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 11/2021/TT-BXD ngày  
31/8/2021 về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây  
dựng; số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về ban hành định mức xây dựng; số  
13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu  
kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;*

*Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 63/NQ-HĐND ngày 17/7/2021  
về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án nâng cấp tuyến đường từ xã Quang  
Trung, huyện Ngọc Lặc đi thị trấn Yên Lâm, huyện Yên Định; số 123/NQ-  
HĐND ngày 10/11/2021 về kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Nhà  
nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thanh Hoá;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số  
1153/TTr-SGTVT ngày 15/3/2022 về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi*

*dự án nâng cấp tuyến đường từ xã Quang Trung, huyện Ngọc Lặc đi thị trấn Yên Lâm, huyện Yên Định, kèm theo Báo cáo kết quả thẩm định số 1128/SGTVT-TĐKHKT ngày 14/3/2022; của Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Ngọc Lặc tại Tờ trình số 40/TTr-BQLDA ngày 24/02/2022 và hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự án Nâng cấp tuyến đường từ xã Quang Trung, huyện Ngọc Lặc đi thị trấn Yên Lâm, huyện Yên Định với những nội dung chủ yếu sau:

**1. Tên dự án:** Nâng cấp tuyến đường từ xã Quang Trung, huyện Ngọc Lặc đi thị trấn Yên Lâm, huyện Yên Định.

**2. Người quyết định đầu tư:** UBND tỉnh Thanh Hóa.

**3. Chủ đầu tư:** Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Ngọc Lặc.

**4. Nhà thầu khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi:** Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Thanh Hoa.

**5. Mục tiêu đầu tư xây dựng:** Tạo kết nối vùng, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, củng cố an ninh, quốc phòng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại của Nhân dân trong vùng; từng bước hoàn thiện mạng lưới giao thông trên địa bàn huyện Ngọc Lặc.

### **6. Quy mô đầu tư xây dựng**

Đầu tư nâng cấp 19,508km đường giao thông đạt tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi theo TCVN4054:2005, trong đó: vận tốc thiết kế  $V_{tk}=40\text{km/h}$ ; chiều rộng nền đường  $B_n=7,50\text{m}$ ; chiều rộng mặt đường  $B_m=5,5\text{m}$ ; lề đường  $B_{lè}=2 \times 1,0\text{m}$ . Công trình thoát nước: kết cấu bằng BTCT và BTCT DUL; tần suất thiết kế  $P=4\%$  với nền đường, cống, cầu nhỏ và  $P=1\%$  với cầu trung; tải trọng trục tính toán 10T với đường và tải trọng H30-XB80 với cống, HL93 với cầu.

### **7. Giải pháp thiết kế chủ yếu**

7.1. Bình đồ, hướng tuyến: Hướng tuyến phù hợp với quy hoạch xây dựng vùng huyện Ngọc Lặc. Tuyến cơ bản bám theo đường hiện trạng, cải tạo cục bộ một số đường cong bán kính nhỏ để đảm bảo tiêu chuẩn cấp đường.

- Điểm đầu Km0: Giao với đường Hồ Chí Minh tại Km536+450 thuộc địa phận xã Quang Trung, huyện Ngọc Lặc.

- Điểm cuối Km19+508,36: Giao với Đường tỉnh 516B tại Km44+750 thuộc địa phận thị trấn Thống Nhất, huyện Yên Định.

Tổng số có 145 đường cong, bán kính nhỏ nhất  $R_{\min}=60\text{m}$ .

7.2. Cắt dọc: Cao độ đường đờ được thiết kế trên cơ sở điểm đầu, điểm cuối, chiều dày lớp kết cấu áo đường tăng cường trên mặt đường cũ và cao độ không chế của các cầu. Độ dốc dọc lớn  $i_{\max}=8\%$ .

7.3. Cắt ngang: Độ dốc ngang mặt đường hai mái  $i_m=2\%$ ; dốc ngang lề đất  $i_l=4\%$ . Chiều rộng nền đường  $B_n=7,5m$ ; chiều rộng mặt đường  $B_m=5,5m$ ; chiều rộng lề đất  $B_l=2 \times 1,0m=2,0m$ .

7.4. Nền đường:

- Nền đào: đào đất mái taluy 1/1.
- Nền đắp: đắp bằng đất đồi đạt độ chặt  $K \geq 0,95$ , lớp sát đáy áo đường dày 50cm đạt  $K \geq 0,98$ ; mái ta luy đắp 1/1,5, gia cố mái bằng trồng cỏ.
- Những vị trí nền đường cũ bị sinh lún được đào xử lý triệt để và hoàn trả đảm bảo yêu cầu kỹ thuật cấp đường.

7.5. Kết cấu áo đường: Mặt đường bê tông nhựa (BTN) có cường độ yêu cầu  $E_{yc} \geq 133Mpa$ , gồm các lớp:

- Lớp mặt đường: bằng bê tông nhựa chặt C19 (BTN C19) dày 6cm, tưới thấm bám tiêu chuẩn  $1,0kg/m^2$ .
- Lớp móng đường: bằng cấp phối đá dăm có tổng chiều dày 45cm, gồm lớp móng trên CPĐD loại I dày 15cm và lớp móng dưới CPĐD loại II dày 30cm; trên đường cũ tăng cường lớp móng CPĐD loại I dày 15cm, bù vênh tạo mui lượn bằng CPĐD loại I.

7.6. Thoát nước mặt: Bằng chảy tỏa và đào rãnh dọc hình thang kích thước lòng  $(40+120) \times 40cm$ . Các vị trí qua đường ngang bố trí rãnh dọc chịu lực có nắp, cấu tạo rãnh bằng BTXM và BTCT.

7.7. Công thoát nước ngang: Xây dựng mới và nối dài công cũ hiện có gồm các loại công hộp, công bản và công tròn các loại; cấu tạo bằng BTXM, BTCT; chiều dài công bằng chiều rộng nền đường, móng đặt trên nền thiên nhiên.

7.8. Công trình cầu: Xây dựng mới 05 cầu trên tuyến thay thế công trình tràn liên hợp và cầu cũ không đảm bảo chiều rộng, tải trọng. Các cầu nằm trên đường thẳng, sông không thông thuyền, không có cây trôi. Cầu bằng BTCT, BTCT DƯL được thiết kế theo TCVN 11823: 2017 - Tiêu chuẩn thiết kế cầu đường bộ, chiều rộng  $B_c=9,0m$ , cụ thể:

a) Cầu bản Km1+961 và cầu bản Km3+790 - thay thế tràn liên hợp:

- Kết cấu phần trên: Gồm 01 nhịp dầm bản rộng giản đơn bằng BTCT DƯL, chiều dài dầm  $L=15m$ , bản mặt cầu BTCT, lớp phủ mặt cầu bằng BTN C19, gờ cầu bằng cao su cốt bản thép, khe co giãn bằng thép dạng ray, thoát nước mặt cầu bằng ống gang đúc, gờ lan can bằng BTCT, lan can bằng thép mạ kẽm.

- Kết cấu phần dưới: Mố cầu dạng chữ U, kiểu tường bằng BTCT đặt trên hệ cọc khoan nhồi; bản chuyển tiếp bằng BTCT.

b) Cầu bản Km3+065 - thay thế tràn liên hợp: dạng cầu bản mố nhẹ.

- Kết cấu phần trên: Gồm 2 nhịp dầm bản bằng BTCT thường chiều dài

5m, lớp phủ mặt cầu bằng BTN C19, gờ lan can bằng BTCT, lan can bằng thép mạ kẽm.

- Kết cấu phần dưới: Móng, thân móng, trụ, tường cánh bằng BTXM đặt trên nền thiên nhiên; mũ móng, trụ cầu bằng BTCT; gia cố lòng cầu bằng BTXM.

c) Cầu bản Km11+706 - thay thế tràn liên hợp:

- Kết cấu phần trên: Gồm 02 nhịp dầm bản rộng giản đơn bằng BTCT DƯL, chiều dài dầm  $L=15m$ , bản mặt cầu BTCT, lớp phủ mặt cầu bằng BTN C19, gờ cầu bằng cao su cốt bản thép, khe co giãn bằng thép dạng ray, thoát nước mặt cầu bằng ống gang đúc, gờ lan can bằng BTCT, lan can bằng thép mạ kẽm.

- Kết cấu phần dưới: Mố cầu dạng chữ U, kiểu tường bằng BTCT đặt trên hệ cọc khoan nhồi; bản chuyển tiếp bằng BTCT. Trụ cầu dạng đặc thân hẹp bằng BTCT đặt trên hệ cọc khoan nhồi.

d) Cầu Bãi Lai Km18+879 - thay thế cầu cũ:

- Kết cấu phần trên: Gồm 01 nhịp dầm giản đơn bằng BTCT DƯL tiết diện chữ I, chiều dài dầm  $L=33m$ , bản mặt cầu bằng BTCT, lớp phủ mặt cầu bằng BTN C19, gờ cầu bằng cao su cốt bản thép, khe co giãn bằng thép dạng răng lược, thoát nước mặt cầu bằng ống gang đúc, gờ lan can bằng BTCT, lan can bằng thép mạ kẽm.

- Kết cấu phần dưới: Mố cầu dạng chữ U, kiểu tường bằng BTCT đặt trên hệ cọc khoan nhồi; bản chuyển tiếp bằng BTCT.

e) Đường đầu cầu: Sau đuôi móng 10m đường hai bên đầu cầu được vuốt nối từ  $B_n=10m$ ,  $B_m=8m$  về  $B_n=7,5m$ ,  $B_m=5,5m$ , kết cấu áo đường như phần tuyến; gia cố tứ nón và mái taluy bằng BTXM.

7.9. Nút giao: Thiết kế giao bằng; tổ chức giao thông trong nút giao bằng biển báo, vạch sơn. Kết cấu mặt đường trong nút giao như phần tuyến.

- Ngã ba Km0+00: giao với đường Hồ Chí Minh tại Km536+450, bán kính rẽ  $R \geq 30m$ ; trên các nhánh rẽ mở rộng thêm 01 làn xe chiều rộng 3,5m, chiều dài 130m, đoạn chuyển tiếp dài 35m; trên đường Hồ Chí Minh hướng Hà Nội - Nghệ An mở rộng thêm 01 làn xe chờ rẽ bề rộng 3,5m, chiều dài 320m, đoạn chuyển tiếp dài 35m.

- Ngã ba cuối tuyến Km19+508,36: giao với ĐT.516B tại Km44+750, vuốt nối mở rộng với bán kính  $R \geq 15m$ .

- Các nút giao còn lại giao với đường địa phương mở rộng các nhánh rẽ với bán kính  $R \geq 15m$  và vuốt nối vào đường hiện trạng.

7.10. Đường ngang: vuốt nối với bán kính  $R \geq 3,0m$ , độ dốc dọc  $i \leq 6\%$ ; kết cấu mặt đường bằng BTN hoặc BTXM tùy theo vị trí và kết cấu mặt đường hiện trạng.

7.11. An toàn giao thông: Bố trí tuân thủ QCVN 41:2019/BGTVT, bao gồm: cột km, cọc H, cọc tiêu, biển báo, vạch sơn phản quang, hộ lan tôn sóng.

*(chi tiết như hồ sơ TKCS kèm theo).*

### **8. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng**

- Địa điểm xây dựng: Các xã Quang Trung, Đồng Thịnh, Lộc Thịnh, Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc và thị trấn Thống Nhất, huyện Yên Định.

- Diện tích đất sử dụng: Khoảng 19,4ha (trong đó phạm vi đường cũ đang khai thác khoảng 16ha).

**9. Nhóm dự án, loại, cấp công trình:** Nhóm B, công trình giao thông, cấp III.

### **10. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn**

- Thiết kế 02 bước: Thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công.

- Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu: Chấp thuận theo Báo cáo thẩm định số 1128/SGTVT-TĐKHKT ngày 14/3/2022 của Sở Giao thông vận tải.

**11. Tổng mức đầu tư: 154.000.000.000 đồng** (*Một trăm năm mươi tư tỷ đồng*); trong đó:

- Chi phí bồi thường GPMB:	24.426.953.000 đồng
- Chi phí xây dựng:	104.819.827.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án:	1.734.359.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	9.212.029.000 đồng
- Chi phí khác:	1.741.074.000 đồng
- Chi phí dự phòng:	12.065.758.000 đồng

*(chi tiết có phụ lục kèm theo).*

**12. Nguồn vốn và cơ cấu vốn đầu tư:** Vốn đầu tư công do tỉnh quản lý 125 tỷ đồng; vốn ngân sách huyện Ngọc Lặc và các nguồn huy động hợp pháp khác 29 tỷ đồng.

**13. Thời gian thực hiện:** Năm 2022-2025.

### **14. Phương án bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư**

- Phạm vi GPMB theo Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (được sửa đổi tại Khoản 1, Điều 1 Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ).

- Phương án tổ chức thực hiện: Giao UBND các huyện: Ngọc Lặc và Yên Định làm Chủ đầu tư tiểu dự án giải phóng mặt bằng và tái định cư để tổ chức thực hiện theo quy định.

**15. Hình thức quản lý dự án:** Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án theo quy định.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện.**

- Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Ngọc Lặc tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng. Trong bước tiếp theo, có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các kiến nghị của Sở Giao thông vận tải tại báo cáo thẩm định số 1128/SGTVT-TĐKHKT ngày 14/3/2022.

- UBND các huyện: Ngọc Lặc và Yên Định tổ chức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định hiện hành của pháp luật.

**Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.**

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND các huyện: Ngọc Lặc, Yên Định; Giám đốc Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Ngọc Lặc và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Mai Xuân Liêm**

**PHỤ LỤC: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ**  
**Dự án: Nâng cấp tuyến đường từ xã Quang Trung, huyện Ngọc Lặc**  
**đi thị trấn Yên Lâm, huyện Yên**  
(kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

*Đơn vị tính: Đồng*

<b>TT</b>	<b>Hạng mục chi phí</b>	<b>Giá trị</b>
<b>I</b>	<b>Chi phí bồi thường, hỗ trợ và TĐC</b>	<b>24.426.953.000</b>
<b>II</b>	<b>Chi phí xây dựng</b>	<b>104.819.827.000</b>
<b>III</b>	<b>Chi phí Quản lý dự án</b>	<b>1.734.359.000</b>
<b>IV</b>	<b>Chi phí Tư vấn đầu tư xây dựng</b>	<b>9.212.029.000</b>
1	Chi phí khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi	3.012.086.000
2	Chi phí khảo sát bước thiết kế BVTC	1.681.380.000
3	Chi phí lập hồ sơ, cắm cọc GPMB	672.955.000
4	Chi phí lập thiết kế BVTC và dự toán	1.121.950.000
5	Chi phí lập đề cương nhiệm vụ khảo sát:	120.711.000
5.1	<i>Bước lập báo cáo NCKT</i>	<i>70.270.000</i>
5.2	<i>Bước thiết kế BVTC</i>	<i>50.441.000</i>
6	Chi phí giám sát khảo sát:	159.678.000
6.1	<i>Bước lập báo cáo NCKT</i>	<i>91.212.000</i>
6.2	<i>Bước thiết kế BVTC</i>	<i>68.466.000</i>
7	Chi phí thẩm tra:	179.234.000
7.1	<i>Thẩm tra thiết kế BVTC</i>	<i>90.912.000</i>
7.2	<i>Thẩm tra dự toán</i>	<i>88.322.000</i>
8	Chi phí giám sát thi công	1.859.993.000
9	Chi phí lập HSMT và đánh giá hồ sơ dự thầu:	147.754.000
9.1	<i>Gói thầu tư vấn khảo sát, lập báo cáo NCKT</i>	<i>18.510.000</i>
9.2	<i>Các gói thầu tư vấn</i>	<i>28.946.000</i>
9.3	<i>Gói thầu xây dựng (bao gồm cả bảo hiểm)</i>	<i>100.298.000</i>
10	Phí thẩm định HSMT và kết quả LCNT:	106.288.000
10.1	<i>Gói thầu tư vấn lựa chọn nhà thầu khảo sát, lập báo cáo NCKT</i>	<i>2.342.000</i>
10.2	<i>Các gói thầu tư vấn</i>	<i>3.946.000</i>
10.3	<i>Gói thầu xây dựng (bao gồm cả bảo hiểm)</i>	<i>100.000.000</i>
11	Chi phí lập kế hoạch bảo vệ môi trường	150.000.000
<b>V</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>1.741.074.000</b>

<b>TT</b>	<b>Hạng mục chi phí</b>	<b>Giá trị</b>
1	Chi phí kiểm toán	469.854.000
2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	139.817.000
3	Bảo hiểm xây dựng công trình	299.785.000
4	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi	17.171.000
5	Thẩm định thiết kế BVTC	16.181.000
6	Thẩm định dự toán xây dựng	15.814.000
7	Thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường	497.008.000
8	Các chi phí khác:	285.444.000
8.1	<i>Đảm bảo an toàn giao thông</i>	<i>135.444.000</i>
8.2	<i>Chi phí đường dây; TBA phục vụ thi công</i>	<i>150.000.000</i>
<b>VI</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>12.065.758.000</b>
1	Dự phòng khối lượng, công việc phát sinh	7.097.758.000
2	Dự phòng trượt giá	4.968.000.000
	<b>Tổng cộng (làm tròn)</b>	<b>154.000.000.000</b>